

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28/6/2024

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 553/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thùy L**, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương; hiện ở: Ghana.

- Người được nguyên đơn uỷ quyền giao, nhận văn bản: Bà Trần Việt H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số A Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh **Đỗ Văn B**, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy uỷ quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống, lao động ở Hàn Quốc nhưng thường xảy ra tranh cãi do bất đồng quan điểm, không tôn trọng đối phương nên cuộc sống rất căng thẳng. Từ năm 2018 chị L, anh B lần lượt về Việt Nam. Sau đó để phát triển kinh tế gia đình, chị L đi Phi-lip-pin lao động khoảng 01 năm thì về. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đến mức xảy ra xô xát nên chị L về nhà mẹ đẻ sinh sống. Năm 2022 chị L đi Ghana lao động, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Chị L xác định cuộc sống hôn nhân bế tắc, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Ngọc N sinh ngày 24/6/2015, hiện đang ở với anh B. Khi ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh B đề nghị được nuôi con thì chị L cũng đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị L đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, uỷ quyền cho bà Trần Việt H thay chị giao nhận văn bản với Toà án.

Tại bản tự khai, bà Trần Việt H trình bày: Bà đồng ý nhận uỷ quyền của chị L để giao nhận văn bản với Toà án; cam kết thực hiện đúng nội dung của giấy uỷ quyền, nhận các văn bản của Toà án và thông báo, gửi ngay cho chị L. Đối với việc anh B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng tiền nuôi con đến khi con trưởng thành thì bà đã thông báo cho chị L được biết và chị L đồng ý.

Tại bản tự khai, anh Đỗ Văn B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị L quen biết khi cùng lao động ở Hàn Quốc. Hai bên tự nguyện kết hôn, tổ chức kết hôn tại Hàn Quốc ngày 09/9/2014, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã C (nay là thành phố C) ngày 07/9/2016. Năm 2018, 2019 thì vợ chồng lần lượt về Việt Nam và cùng chung sống tại phường V, thành phố C. Khoảng gần tết năm 2021 chị L đi Phi-lip-pin lao động. Trong thời gian đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau. Khi từ Phi-lip-pin về Việt Nam, chị L tự về nhà mẹ đẻ, anh B có đón chị L về để cùng chung sống nhưng sau đó chị L lại về nhà mẹ đẻ rồi đi nước ngoài lúc nào anh B không rõ. Anh B đã cố liên lạc để giữ gìn tình cảm vợ chồng nhưng chị L thường xuyên tắt máy nên hiện anh B cũng không biết chị L làm gì, ở đâu. Anh B xác định vợ chồng xa cách đã lâu, không liên lạc, đến nay không còn tình cảm nên chị L xin ly hôn thì anh B đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Ngọc N sinh ngày 24/6/2015, hiện đang ở với anh B. Khi ly hôn anh B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, yêu cầu chị L cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số 34444/QLXNC-P3 ngày 21/12/2023, Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cung cấp chị Nguyễn Thị Thùy L xuất cảnh lần gần nhất ngày 07/12/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Nguyễn Thị Thùy L ly hôn anh Đỗ Văn B; giao con chung Đỗ Ngọc N sinh ngày 24/6/2015 cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, chị L có trách nhiệm cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung thành niên; chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp) và án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị L đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh B. Chị L, anh B đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng chị L hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh B tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị L cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tôn trọng đối phương, cuộc sống hôn nhân bế tắc đến mức xảy ra xô xát; anh B cho rằng vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị L đã trầm

trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, cắt đứt liên lạc, không còn tình cảm, chị L xin ly hôn thì anh B đồng ý. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị L ly hôn anh B.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh B có 01 con chung là Đỗ Ngọc N sinh ngày 24/6/2015, hiện đang ở với anh B. Anh B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, yêu cầu chị L cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng thì chị L đồng ý, con chung cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, căn cứ quan điểm của các bên, nguyện vọng của con chung và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, cần giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; chị L có trách nhiệm cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung thành niên.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh B không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị L là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thùy L ly hôn anh Đỗ Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Ngọc N sinh ngày 24/6/2015 cho anh Đỗ Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; chị Nguyễn Thị Thùy L có trách nhiệm cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Chị Nguyễn Thị Thùy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng do bà Trần Việt H nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày

04/12/2023 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000343; chị L còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Nguyễn Thị Thùy L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường V, TP.C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng